

CON TÀU HỘI NHẬP VIỆT NAM BAO GIỜ VỀ ĐÍCH?

PGS.TS. TRẦN NGỌC THƠ

VN cần phải tiến hành cải cách (cả kinh tế và chính trị) nhanh hơn nữa, thậm chí là nhanh hơn người bạn láng giềng Trung Quốc. Đây thực sự là một thử thách quá lớn cho chúng ta!

Đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn sau 20 năm đổi mới, thành quả ấn tượng nhất chính là chúng ta đã tự cởi trói chính mình để thoát ra khỏi khủng hoảng và suy thoái. Cũng chỉ mới tự cởi trói mà thôi và cũng chưa thật sự hạ nhập vào sân chơi toàn cầu, tốc độ tăng trưởng như thế quả thật là một sự thần kỳ, nhanh hơn bất kỳ quốc gia nào trên thế giới, ngoại trừ Trung Quốc và một số quốc gia dầu hỏa. Quá trình chấp hành hội nhập vào kinh tế toàn cầu cũng ấn tượng không kém với kim ngạch xuất khẩu tăng gấp 30 lần so với thời bắt đầu đổi mới; môi trường đầu tư cùng với các thành quả về cải cách xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế thực sự thuyết phục cộng đồng các nhà đầu tư nước ngoài.

Sự kiện VN trở thành thành viên WTO và là nước chủ nhà tổ chức thành công hội nghị APEC đã kết thúc thêm một năm thành công nữa của kinh tế VN. Nhưng trên tất cả, điều quý nhất mà chúng ta đạt được cho đến giờ chính là sự ổn định, đây là nền tảng căn bản cho các thay đổi ngoạn mục. Tuy nhiên...

1. Con tàu hội nhập ạn nặng nề và chưa tự mình định vị được hướng đi mang tính bản sắc riêng.

Tốc độ hội nhập không chỉ phụ thuộc vào sự phấn đấu của bản thân, mà ạn so sánh và phụ thuộc vào tốc độ của quá trình toàn cầu hóa. Càng chậm chân bao nhiêu vào sân chơi toàn cầu, cơ hội và vận hội sẽ kết thúc. Vế thế không khỏi giật mình khi nhìn lại vị thế hiện tại. Các lời khen ngợi của cộng đồng quốc tế, suy cho cùng dừng lại ở mức ngoại giao và động viên là chính, VN mới chỉ được nhìn nhận như là một “duyên dáng” hay là một “con hổ nhỏ đáng yêu” đang trong giai đoạn “cần khám phá”, chứ chưa thực sự được nhìn nhận một cách rộng rãi như là một đối tác có thể làm ăn lâu dài.

Xếp hạng năm 2006 của công ty khảo sát thị trường Business Monitor International (BMI) đã đánh giá rủi ro kinh tế (Economic Risk Rating) của VN ở mức khá cao. Trong ngắn hạn, VN xếp thứ 66, thua xa hầu hết các nước trong khu vực, chỉ đứng trên một số nước châu Á khác là Campuchia, Sri Lanka, Lào và Bangladesh (Trung Quốc có rủi ro ngắn hạn thấp nhất châu Á). Đáng ngại hơn cả là tính ổn định trong dài hạn, VN được xếp hạng khá thấp, hạng 70. Điều này cho thấy chúng ta chỉ mới chú ý đến các yếu tố trong ngắn hạn, con đường dẫn đến tăng trưởng bền vững cho cuộc đua đường dài của hội nhập th có vấn đề.

Triển vọng tăng trưởng và tốc độ hội nhập rơ ràng đã bị tác động tiêu cực bởi hệ thống luật lệ vẫn ạn đang trong giai đoạn hoàn chỉnh và nhiều bất cập; tốc độ cải cách chậm chạp trong khu vực DNNN, đáng ngại nhất là khu vực ngân hàng; nạn tham nhũng đã lên đến mức đỉnh điểm; cơ sở hạ tầng yếu kém; khu vực kinh tế tư nhân, đóng góp hơn 40%

GDP, vẫn chưa được chú trọng đúng mức để phát huy hết tiềm năng. Triển vọng cho tăng trưởng bền vững trong dài hạn còn đến từ những thách thức của giai đoạn hậu WTO.

“Nhưng đâu là tồn tại làm tiêu tốn nhiều thời gian nhất trong điều hành vĩ mô?”

Không nghi ngờ gì nữa, hầu như toàn bộ thời gian và trí tuệ điều hành kinh tế vĩ mô là dành riêng cho khu vực DNNN, sai lầm hầu hết cũng xuất phát từ đây. Khi nào quá trình tái cấu trúc các DNNN vẫn chỉ là chủ trương chậm và không muốn đi vào cuộc sống, lúc đó các Bộ ngành vẫn còn đó cái cơ để duy trì vai trò chủ quản của mình, và chừng đó tình trạng lãng phí, tham nhũng và hoạt động kém hiệu quả vẫn sẽ là căn bệnh trầm kha. Lực cản đó làm cho tốc độ tăng trưởng kinh tế với mục tiêu khiêm tốn chỉ là 7,5% đến 8% mỗi năm có khả năng vẫn chỉ là “mơ ước”, và khoảng cách 197 năm nữa để bắt kịp Singapore mới chính là “hiện thực” để không còn là câu chuyện tranh luận cho vui. Con tàu hội nhập làm sao có thể xuất bến, chứ đừng nói về đích, khi quãng trên vai một gánh nặng quá lớn các DNNN làm ăn kém hiệu quả?

Lợi ích đạt được từ WTO có khả năng không tương xứng với kỳ vọng, bắt nguồn chủ yếu từ chính khả năng cạnh tranh và hoạch định chiến lược yếu kém của nền kinh tế. Khả năng hoạch định và dự báo yếu kém đến mức đã có quan điểm từ một số quan chức nhà nước đi hỏi cần thiết phải thuê các chuyên gia nước ngoài cho công việc này, công việc đáng lưu phải là sở trường làm chính người trong cuộc.

Trong bài báo có tựa đề “VN phải tự vẽ con đường đi cho riêng mình” (Vietnam Must Map Its Own Flight Plan) trên tạp chí *Far Eastern Economic Review* tháng 12.2006, tác giả bài báo cũng đề cập đến các chính sách kinh tế của VN cần phải có bản sắc riêng thay vì cứ đi dẫm theo mẫu hình của Trung Quốc, cho dù việc mô phỏng theo mô hình Trung Quốc đã có công biến VN trở thành con hổ trẻ đang lên của khu vực. Nhưng để thoát khỏi sự tụt hậu, thông điệp chính bao trùm trong bài báo, thì VN cần phải tiến hành cải cách (cả kinh tế và chính trị) nhanh hơn nữa, thậm chí là nhanh hơn người bạn láng giềng Trung Quốc.

Đây thực sự là một thử thách quá lớn cho chúng ta!

2. Ra biển lớn không có nghĩa là quên vấn đề “hệ thống”: đừng nhầm lẫn giữa WTO và cải cách.

Các bộ ngành hiện đang lên cơn sốt với yêu cầu của Chính phủ đi hỏi phải phân tích các tác động của WTO tới từng ngành của mình. Điều này là hiển nhiên, vì chỉ có nhận diện rõ các tác động của WTO, từng bộ ngành mới có thể đề ra chương trình hành động và tìm ra các giải pháp thích hợp cho con tàu hội nhập về đích.

Khi phân tích các tác động của WTO, có thể xuất hiện hai xu hướng tích cực và tiêu cực, tùy góc nhìn của các nhóm lợi ích khác nhau.

Trong suốt chiều dài 20 năm đổi mới, thậm chí trong khoảng thời gian gần đây sau sự kiện VN gia nhập WTO, luôn hình thành một số không ít các quan điểm về quyền lợi cục bộ đưa ra đủ những lý lẽ biện minh cho việc trì hoãn tốc độ cải cách: Tìm mọi cách để làm chậm tiến trình cổ phần hóa, giữ vững ngọn cờ độc quyền, luôn tìm mọi lý lẽ để nhận được bảo hộ, đó chính là những mẫu mực cho trường phái bảo thủ.

Ví lẽ đó, tính huống có lợi nhất, việc nhận diện thuyết phục tác động của WTO sẽ giúp cho các bộ ngành và doanh nghiệp phát hiện ra những lỗ hổng và nguy cơ tiềm ẩn để từ đó thay đổi triệt để các khuyết tật mang tính hệ thống và phương thức quản lý kinh doanh; là thời cơ vàng để Chính phủ có chứng cứ thuyết phục chứng minh rằng chỉ có cải cách toàn diện mới là con đường duy nhất đúng để chiến thắng ngay trên sân nhà.

Tính huống không có lợi xảy ra khi có một số quan điểm vẫn còn mang nặng tư tưởng bảo hộ đưa ra những đề xuất chính sách, tuy có lợi cục bộ, nhưng thực chất chỉ có tác dụng đẩy lùi tiến trình cải cách. Chẳng hạn, trong phiên họp Quốc hội phê chuẩn Nghị định thư gia nhập WTO vào cuối tháng 11.2006, để bảo hộ hàng hóa nội địa, đã có đề nghị thiết lập các rào cản đối với hàng hóa nhập khẩu. Chưa hết, đáng lưu ý ra điều cấp thiết lúc này là cần tập trung ưu tiên đầu tư vào hạ tầng kỹ thuật cho khu vực nông thôn, thì giờ đây cũng đã bắt đầu có “tiếng nói” yêu cầu Chính phủ tăng thêm tỷ lệ bảo hộ cho nông nghiệp, miếng bánh tăng thêm mà ai cũng biết đa phần chỉ có các doanh nghiệp sản xuất mới nhận được phần nhiều.

Chưa có những chứng cứ thuyết phục mà đã có những quan điểm như thế. Như vậy, khoảng thời gian một vài năm hậu WTO chắc chắn sẽ có những đổ vỡ và phá sản ở một số khu vực, và đây chính là cái cớ cho các quan điểm bảo hộ và các nhóm lợi ích quy kết do hậu quả từ WTO.

Cách hiểu (tiêu cực) này, hoặc cố tình lập luận thiên về lợi ích cục bộ, hoặc có sự nhầm lẫn giữa WTO và cải cách. Đây là nguy cơ cần được phát hiện và cảnh báo thật sớm.

Điều hiển nhiên là sự đổ vỡ, mà khả năng cao nhất là từ khu vực DNNN, bắt nguồn do những yếu kém nội tại từ chính bản thân doanh nghiệp. Ngay cả khu vực kinh tế tư nhân, những đổ vỡ xảy ra cũng chỉ do đa phần các doanh nghiệp VN yếu kém về tiềm lực và từ chính khả năng quản lý của bộ máy nhà nước hoặc những bất cập từ chính sách gây ra, WTO chẳng qua chỉ là giọt nước cuối cùng (nặng kư) làm tràn ly. Có ai đó sẽ cố tình “không nhận thấy” lợi ích từ việc số lượng các doanh nghiệp chắc chắn gia tăng nhanh chóng cùng với các lợi ích trực tiếp và gián tiếp khác sau khi VN là thành viên WTO.

Chính vì vậy, ngay từ lúc này đây, WTO thực sự là cơ hội để chúng ta tăng tốc quá trình cải cách bằng những biện pháp triệt để: phải kết thúc cơ bản cổ phần hóa DNNN vào năm 2009 như chỉ đạo của Thủ tướng; nhân cơ hội này xóa luôn chủ quản, xóa bảo hộ và độc quyền.

“Nhưng cũng cần cảnh báo một nguy cơ mới, vốn dĩ đã xuất hiện trong thời gian gần đây”.

Lúc này cũng lại là thời điểm thích hợp cho một số nhóm lợi ích nhân danh tăng tốc đổi mới yêu cầu mở cửa triệt để thị trường tài chính, chẳng hạn như yêu cầu về mở cửa không giới hạn và không điều kiện đối với kênh đầu tư gián tiếp vào các doanh nghiệp và lĩnh vực tài chính ngân hàng trong nước, bất chấp những bất ổn có thể xảy ra đối với thị trường tài chính nội địa.

Việc các nhóm lợi ích lên lời đề tác động vào hoạch định chính sách cũng là điều bình thường trong xu thế hiện nay. Vì vậy, các tình huống và quan điểm đan xen như thế cần phải được nhận diện thấu đáo nhằm giúp cho Chính phủ có quyết sách thích hợp.

Ngoài việc trả lời chất vấn của các đại biểu Quốc hội, “người đứng đầu” Chính phủ và các bộ ngành cần tiến hành thường xuyên các cuộc thảo luận và tranh luận chính sách với các hiệp hội ngành nghề, các nhóm học giả, các chuyên gia trong nước và quốc tế trên các diễn đàn công khai, thậm chí là tranh luận trực tiếp trên truyền hình. Đó phải là bản lĩnh tối thiểu của chính khách nước ta trước yêu cầu ngày càng cao của quá trình hội nhập.

Các chính sách đưa ra phải là kết quả hội tụ từ bản lĩnh và tài năng của các vị lãnh đạo, các nhóm lợi ích, của các học giả, các chuyên gia và toàn dân, để sao cho khi cộng hưởng lại, lợi ích của quốc gia phải được phát huy ở mức cao nhất.

3. Tinh thần và việc phải dám cọ xát với thế giới bên ngoài mới là điều quan trọng chứ không phải WTO hay APEC.

Cũng có quá nhiều lời khen tặng “có cánh” của các vị khách quốc tế nhân sự kiện VN trở thành thành viên chính thức WTO và cùng lúc đó là nước chủ nhà tổ chức hội nghị APEC 14 nên ta cũng cần phải bình tâm nhìn nhận vấn đề một cách thấu đáo, xem xét vấn đề thật tỉnh táo để con thuyền hội nhập VN định hướng ra biển lớn mà không bị lóa mắt bởi các lời khen thật có, mà giả cũng không ít.

Khen chê cũng tùy theo góc nhìn của mỗi người, nhưng quan trọng nhất vẫn là cách thức tiếp nhận vấn đề từ phía người được khen: Tại sao thực tế ta vẫn cứ nghèo và vẫn tụt hậu, điều gì cho đến giờ vẫn chưa làm được hoặc làm chưa tới nơi, cần phải làm gì?

Tựu trung lại, có hai nhóm lời khen tặng của các vị khách quốc tế có thể giúp người trong cuộc nhìn nhận đúng vấn đề hơn.

Nhóm lời khen tặng thứ nhất tượng trưng cho tiềm năng của đất nước thông qua hình ảnh: “VN đang bùng bùng tiến vào kinh tế thế giới”. Khen như thế thì đúng quá rồi vì đã cho mọi người thấy được hình ảnh của một con gấu ngủ đông đang bùng bùng trời dậy. Nhưng dường như có một thông điệp nhắc nhở khéo, rằng hãy để ư khu rừng lân bang, trong thời gian gấu triển miên trong giấc ngủ thì hầu hết đã thành cọng sậy mọc cánh để chuẩn bị hóa rồng rồi ư đâu.

Nhóm lời khen tặng thứ hai tượng trưng cho cơ hội làm ăn và kinh doanh: “VN đang là vùng đất cho các tập đoàn đa quốc gia tung hoành”. Thông điệp quá rõ ràng, rằng các nhà đầu tư nước ngoài “đến VN” (để bàn chuyện làm ăn) chứ không phải “vì VN”. Khen như thế dường như mang tính chất cảnh báo, không khéo có khả năng VN trở thành miếng bánh mà phần lớn chỉ dành riêng cho các tập đoàn đa quốc gia.

Trong vô số những thông tin bắt tận trên các phương tiện truyền thông quốc tế mỗi ngày thì hai tiếng VN xuất hiện trong thời gian qua mới thật đáng quờ làm sao, đó quả thật là cơ hội ngàn vàng để các nhà đầu tư quốc tế ghé mắt đến VN. Nhưng chầm hết, hồ hởi quá mức đến cỡ nào cũng chỉ dừng lại ở mức đó, phần việc chính vẫn là ở chỗ khai thác như thế nào vận hội xưa nay hiếm.

Thế giới đã tận mắt chứng kiến những đổi thay tích cực và nhìn thấy các cơ hội đầu tư tiềm năng to lớn ở VN từ hiệu ứng lan tỏa của APEC. Thế nhưng, cho dù có một vài hợp đồng đã được ký kết thì APEC cũng chỉ mới là sự kiện để thu hút dư luận, quan trọng nhất là hiệu quả chứ không phải chính bản thân hợp đồng.

Còn WTO cũng chỉ là cái gì đó lơ mờ, rằng tác động của WTO là như thế nào đối với từng người, từng gia đình và nền kinh tế cũng chỉ mới dừng lại ở mức độ cảm xúc mà thôi. Ra biển lớn mà thiếu hệ thống radar định vị, con tàu WTO của chúng ta thật sự không biết điều gì sẽ xảy ra phía trước.

Các nhà kinh tế và thậm chí cả người dân cũng không thể hài lòng với các quan điểm lạc quan từ các quan chức theo kiểu “yên tâm đi, vào WTO rồi ngành ngân hàng sẽ đứng vững”. Cảm xúc dâng trào hiện rõ trong những nhận định đại loại như trên, bởi lẽ một ngành nghề nào đó đứng vững đâu chỉ phụ thuộc vào chính bản thân nó. Chẳng hạn hệ thống ngân hàng thương mại quốc doanh liệu có trụ vững khi mà người anh em song sinh là các DNNN vẫn còn là chủ đạo, theo nghĩa mang lại các khoản nợ xấu cũng “chủ đạo”.

Không lơ mờ sao được khi mà Chính phủ đang khẩn trương yêu cầu từng bộ ngành hãy gấp rút phân tích tác động của WTO, điều mà đáng lý phải được thực hiện từ trước đây rất lâu. Mà như thế cũng chưa đủ, trong phân tích kinh tế vĩ mô, điều quan trọng còn là nhận diện các tác động liên ngành. Cũng vẫn chưa thấy ai đứng ra làm việc này.

Nhưng lấy đâu cơ sở để phân tích định lượng (chứ không phải cảm xúc) khi mà hệ thống dữ liệu thống kê và dự báo ở nước ta hiện nay hầu như không thể phục vụ cho nghiên cứu các tác động của hậu WTO.

Khi mà những vấn đề hậu WTO còn chưa rõ ràng thì điều cấp thiết nhất lúc này là xác định những việc cần phải tiếp tục làm, chứ không phải bây giờ mới mới mải bắt đầu từ đâu. Và người dân kỳ vọng WTO chính là động lực để tiếp tục thực hiện tăng tốc công cuộc đổi mới lần thứ hai, sau công cuộc đổi mới lần thứ nhất giai đoạn 1986-2006. Tất nhiên khi chưa là thành viên WTO, VN cũng đã tự tiến hành cải cách nhưng WTO là thời cơ ngàn vàng để phải thay đổi toàn diện hơn nữa so với 20 năm qua, nếu không muốn nói là phải “sang trang từ duy”.

Bởi đơn giản, trước khi gia nhập WTO, do nền kinh tế còn khép kín, nếu như tốc độ cải cách không đủ liều lượng thì ta chỉ đói, không đủ no hoặc tụt hậu chứ không mất; còn sắp tới đây ta có thể bị tước đoạt miếng ăn, thậm chí bị mất chủ quyền tài chính do nợ quốc gia đã tiệm cận ngưỡng an toàn, thì cùng lúc đó các khoản nợ nước ngoài lại đang có xu hướng tăng lên, do làn sóng đầu tư gián tiếp nước ngoài chỉ nhắm vào trái phiếu chính phủ và của các tổng công ty nhà nước (cũng toàn là khu vực công). Tất cả còn tiếp tục gia tăng đáng kể theo đà hưng phấn của APEC và WTO.

Trong những công việc tiếp tục thực hiện, sẽ có những vấn đề mới phát sinh từ đầu, chẳng hạn làm thế nào để biến một nền kinh tế chủ yếu chỉ là gia công sang một nền kinh tế với công nghệ cao, nghiên cứu và phát minh để cạnh tranh với các nước láng giềng.

Có quan điểm cho rằng WTO không phải là mục đích mà chỉ là phương tiện để đạt được mục đích. Ở về ngược lại, về phương diện ngoại giao, lại có quan điểm phản bác

cho rằng nói như thế là không nên vì đó là cách nói thủ đoạn. Nhưng nói gì thì nói, WTO, APEC hay các hiệp định song phương kiểu khu mậu dịch tự do FTA không phải là giải pháp hay cứu cánh cho bài toán phát triển, mà tinh thần và việc có dám cọ xát thực sự với thế giới bên ngoài mới chính là điều để từ đó các giải pháp được hình thành khả thi nhất.

Đã được cấp thẻ thông hành ra biển lớn nhưng lại e ngại sóng to gió lớn và do đó tìm mọi cách để không muốn đương đầu với các thách thức từ thế giới bên ngoài, không dám chấp nhận những điều khác với ta, mới chính là lực cản lớn nhất. Do đó nói rằng WTO hay APEC không phải là giải pháp cho bài toán phát triển, mà tinh thần và việc có dám cọ xát thực sự với thế giới bên ngoài mới là điều quan trọng nhất là như thế đó.

4. Bao giờ con tàu hội nhập VN về đích?

Có quá nhiều vấn đề cần giải quyết để cho con tàu hội nhập VN về đích, nhưng tại sao đó không phải là những vấn đề được bắt đầu từ những điều rất cơ bản và mang tính quyết định nhất, những điểm mấu chốt khi được giải quyết thấu đáo thì các yếu tố phụ thuộc khác sẽ tự động vận hành theo mang tính dây chuyền cho con tàu hội nhập tăng tốc nhanh hơn?

Như đã phân tích ở phần trên, VN có lẽ cần phải thay đổi cấu trúc con tàu. Đó chẳng những là các yếu tố mang tính kỹ thuật như cải cách DNNN, chống tham nhũng, cải thiện môi trường đầu tư v.v (yếu tố kinh tế) mà còn là những khuyết tật mang tính hệ thống trong cải cách thể chế (yếu tố chính trị). Tất cả chỉ gói gọn trong vài từ: “nhanh và nhanh hơn nữa”.

Còn trước mắt là tìm ra được “người cầm lái” có tâm, có tài, đủ dũng khí đột phá xác định hướng đi thích hợp trên xa lộ không biên giới của một thế giới phẳng, chứ không phải trên một hành lang mặc định, lúc đó mới hy vọng con tàu hội nhập VN đủ khả năng tăng tốc và định vị con đường cán đích nhanh nhất ^a